

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ- ST
Ngày 10/3/2020
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hợp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quang Kim

Ông Hoàng Văn Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Minh Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Công – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 230/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05 ngày 17/02/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị T, sinh năm 1992 (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Dương Văn T, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thể hiện nội dung vụ án như sau:

Chị Dương Thị T trình bày: Chị T kết hôn với anh Dương Văn T tháng 12/2016, khi cưới có tìm hiểu thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống với nhau ngay, có thời gian hòa thuận nay có 01 con chung. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến tháng 11/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không có sự hòa hợp về tính tình nên hay xảy ra cãi chửi nhau, nhiều lần anh T đánh đập chị T. Ngoài ra anh T còn dùng ma túy đá, thường xuyên bỏ nhà đi chơi bời nhiều ngày mới về, khi về anh T xin tiền chị T không cho anh T lại đánh chị T, anh T mang xe máy và điện thoại đi cấm và mẹ anh T đi chuộc về, chị T cũng có đi chuộc cho anh T một lần với số tiền là 7.000.000đồng. Khi vợ chồng xảy ra

mâu thuẫn gia đình có dàn xếp nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã chấm dứt quan hệ từ tháng 3/2019 cho đến nay. Hiện tại chị T đi thuê nhà trọ ở xã Quang Châu, huyện Việt Yên để ở. Từ khi chị T bỏ đi anh T có gọi nhưng chị T không về, thỉnh thoảng nhớ con chị T có về thăm xong lại đi. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T đề nghị được ly hôn anh T theo quy định của pháp luật.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Dương Văn C, sinh ngày 14/10/2017 nay đang ở với anh T và gia đình, đời sống không được đảm bảo vì anh T không có công ăn việc làm ổn định, gia đình kinh tế có khó khăn. Sau khi ly hôn chị T nhận nuôi con chung của vợ chồng và không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Hiện tại chị T làm ở khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên mức thu nhập bình quân khoảng 8.000.000đồng đến 9.000.000 đồng/ 1 tháng.

Tài sản, ruộng canh tác, công nợ không có vướng mắc gì, sau khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Dương Văn T: Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành xác minh thì được bà Dương Thị B là mẹ đẻ anh T cung cấp: Anh Dương Văn T và chị Dương Thị T kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 02 năm và có 01 con chung thì chị T bỏ đi. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh T không chịu làm ăn. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra cãi nhau, gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả. Từ khi chị T bỏ đi bà B là người trực tiếp nuôi cháu Dương Văn C cho chị T và anh T, chị T thỉnh thoảng có về thăm và mua cho con thùng sữa. Anh T đi làm ăn không có nhà, anh T không để ý và chăm sóc con. Toàn bộ do bà B nuôi cháu C. Nay chị T và anh T ly hôn bà B đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, nếu chị T nhận nuôi con bà B đề nghị Tòa án giao con cho chị T nuôi vì hiện tại điều kiện gia đình cũng khó khăn, nuôi cháu C rất vất vả. Ngoài ra bà B trình bày Tòa án đã đến gia đình làm việc nhưng anh T không có nhà nên bà B đã nhận thay các văn bản giấy tờ, bà B có gọi điện thông báo cho anh T nhưng anh T nói là không đến Tòa án làm việc, kệ chị T ly hôn đơn phương.

Tại phiên tòa chị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh T và nhận nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Tại phiên tòa anh T vắng mặt lần hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử, nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị HĐXX:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 - Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 3 Điều 228 - Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Dương Thị T được ly hôn anh Dương Văn T.

Về con chung: Giao cho chị Dương Thị T nuôi con chung của vợ chồng là Dương Văn C, sinh ngày 14/10/2017.

Về án phí: Chị Dương Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Dương Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Anh Dương Văn T đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 3 Điều 228- BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Dương Thị T và anh Dương Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 26/12/2016 tại UBND xã T, huyện V được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo chị T trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có sự hòa hợp về tính tình nên hay xảy ra cãi chửi nhau, có lần anh T còn đánh đập chị T. Ngoài ra anh T là người nghiện ma túy và đã sử dụng ma túy đá. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gia đình có dàn xếp nhưng không có kết quả vợ chồng đã ly thân từ tháng 3/2019 cho đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T thông qua gia đình là bà B mẹ đẻ anh T nhưng T đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải giữa hai bên được. Qua xác minh thì thấy anh T thường xuyên vắng mặt tại địa phương và anh T cũng đã biết việc chị T xin ly hôn nhưng anh T không đến Tòa án làm việc. Việc anh T không đến làm việc chỉ là gây khó khăn cho chị T trong việc giải quyết vụ án. HĐXX xét thấy giữa chị T và anh T hai bên sống ly thân nhau đã lâu, không ai quan tâm đến ai, chị T không có nguyện vọng đoàn tụ, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy xử cho cho chị Dương Thị T được ly hôn anh Dương Văn T là phù hợp pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Dương Văn C, sinh ngày 14/10/2017 nay đang ở với anh T và gia đình. Sau khi ly hôn chị T nhận nuôi con

chung của vợ chồng và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy yêu cầu nuôi con chung của chị T là có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ hiện tại chị T đang đi làm công nhân Công ty có thu nhập hàng tháng ổn định, anh T không có công việc ổn định và thường xuyên vắng mặt tại địa phương, hơn nữa bà B mẹ anh T trình bày hiện nay cháu C ở cùng bà B và anh T nhưng gia đình có khó khăn về kinh tế nên việc nuôi cháu C là rất vất vả. Hiện nay cháu C chưa đủ 36 tháng tuổi, để đảm bảo các quyền lợi cũng như sự phát triển về mọi mặt của con chung cần giao cho chị Dương Thị T nuôi con chung của vợ chồng là phù hợp pháp luật. Do chị T không yêu cầu nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T.

Anh Dương Văn T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này

[4] Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất: Chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Dương Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật, được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 - Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 3 Điều 228 - Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;
Xử:

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Dương Thị T được ly hôn anh Dương Văn T.

- Con chung: Giao cho chị Dương Thị T được nuôi con chung của vợ chồng là Dương Văn C, sinh ngày 14/10/2017. Anh Dương Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Dương Thị T.

Anh Dương Văn T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

- Án phí: Chị Dương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 05502 ngày 17/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên. (Xác nhận chị Dương Thị T đã nộp đủ án phí).

Báo cho các đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu.

Vũ Văn Hợp